

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH V

Bản án số: 98/2024/HS-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Phúc

2. Ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Vĩnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2024/HSST ngày 22/11/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Đức Th, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2005; sinh trú quán: Thôn 5 L xã Y huyện Y, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức Th, sinh năm 1984 và bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1986; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại,(có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1976; địa chỉ:Thôn Ph, xã Hồng P huyện Y, tỉnh V,(Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn 6 L xã Y, huyện Y, tỉnh V, (Vắng mặt).

2/Chị Kiều Thị Kim D, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 5 L, xã Y, huyện Y, tỉnh V (Vắng mặt).

3/Anh Kiều Nhật T, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn 5 L, xã Y, huyện Y, tỉnh V, (Vắng mặt).

4/Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Th, xã Đồng X huyện S, thành phố H, (Vắng mặt).

5/Bà Bùi Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 84a,Trần Du, phường Tru, q,thành phố H, (Vắng mặt).

6/Chị Lưu Thị Vân A, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 202, Nguyễn L, phường Quang T, quận Đ, thành phố H, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức T là người yêu của chị Đặng Thị Vân L, sinh năm 2005 ở thôn Phú P, xã Hồng P, huyện Y. T biết gia đình chị L ngoài căn nhà ở thôn P, xã Hồng Ph thì còn có 01 căn chung cư ở thành phố H. Ngày 13/7/2024, sau khi đi chơi cùng T, chị L có để quên chìa khóa căn nhà tại thôn Phú P, xã H trong ba lô của T nên T đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị L để trộm cắp tài sản vì Th biết ngôi nhà ở thôn Pthường không có người ở nhà. Khoảng 21 giờ ngày 15/7/2024, Th biết mẹ đẻ chị L là bà Nguyễn Thị Kim O và em trai chị L là cháu Đặng Phạm Việt D đã xuống chung cư ở H chơi, căn nhà ở thôn Phú P xã Hồng Ph không có ai ở nên Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, BKS 88F1 - 659.71, màu trắng mang theo chìa khóa mà chị L để quên đến nhà chị L ở thôn Phú để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T thấy nhà tắt điện, công cại then nên đã giấu xe mô tô ở gần đó rồi mở cổng đi vào trong sân. Th đi đến vị trí tầng hầm, mở khóa cửa rồi đi vào nhà. Th đi lên tầng 2 đến phòng ngủ của vợ chồng bà O ở phía bên phải cầu thang rồi mở cửa đi vào phòng (phòng không đóng khóa). Quan sát xung quanh phòng thấy có 01 chiếc két sắt hình chữ nhật màu xanh được kê ở vị trí bên phải cửa ra vào phòng (theo hướng nhìn từ ngoài vào phòng), Th đến bàn trang điểm của bà O kê ở bên phải đầu giường ngủ lục tìm được 01 chiếc chìa khóa két sắt. Th sử dụng chiếc chìa khóa này để mở két sắt ra (két sắt chỉ có khoá cơ, không đặt khoá số), bên trong két sắt có 01 ngăn nhỏ có ổ khóa phía trên và ngăn lớn để trống phía dưới, Th thấy trong ngăn dưới có 01 hộp hình vuông bằng gỗ màu đen, mở ra thì có 01 chìa khóa nhỏ rồi sử dụng chìa khóa này mở ngăn nhỏ phía trên ra thì thấy bên trong có 02 hộp gồm 01 hộp màu xanh bên trong có 01 chiếc nhẫn bằng vàng tây, 01 chiếc nhẫn bằng vàng trắng đều có gắn mặt đá màu trắng và 01 hộp màu đỏ bên trong có 01 chiếc lắc tay bằng vàng tây gắn mặt đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn bằng vàng tây gắn mặt đá màu đỏ. Th đã lấy 03 chiếc nhẫn và 01 chiếc lắc tay trên để trong túi quần bên trái Th đang mặc, rồi để lại các hộp về vị trí cũ. Ngoài ra, Th còn lấy 01 bản photo phiếu mua hàng vì cho rằng là giấy tờ của số tài sản vừa trộm được. Sau đó, Thkhóa két sắt lại, rút chìa khóa ra và để chìa khóa lại vị trí cũ ở bàn trang điểm, đóng cửa và rời khỏi nhà chị L. T để toàn bộ các tài sản trộm cắp được trong 01 chiếc ba lô nhỏ bằng vải màu hồng của chị L để trong cốp xe mô tô của Th rồi đi xuống phòng trọ của Thiện ở thành phố H. Đến khoảng 20 giờ 30 phút

ngày 16/7/2024, Th đem theo 01 chiếc lắc tay bằng vàng tây gắn mặt đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn bằng vàng tây gắn mặt đá màu đỏ đến hiệu vàng bạc Lở số 84A đường Trần D phường T, quận C, bán cho chị Bùi Thị L được 21.500.000 đồng, sau đó Th trả cho chị Nguyễn Thị Kim T là chủ nhà trọ của T số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 17/7/2024, Th chuyển số tiền 6.000.000 đồng đến số tài khoản 88817102005 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội của anh Nguyễn Việt H, sinh năm 2005 ở thôn 6 Lũng Yên L, tỉnh V là bạn của Thnhờ anh H chuyển trả chị Kiều Thị Kim D, sinh năm 1999 ở cùng thôn với Th số tiền 2.000.000 đồng thông qua tài khoản 9021134637027 mở tại ngân hàng Bản Việt của em trai chị D là anh Kiều Nhật T, sinh năm 2004. Số tiền 4.000.000 đồng còn lại, anh H đã trả lại cho T bằng tiền mặt. Đến khoảng 18 giờ 20 phút ngày 19/7/2024, Thtiếp tục đem 01 chiếc nhẫn bằng vàng tây và 01 chiếc nhẫn bằng vàng trắng đều có gắn mặt đá màu trắng đến cửa hàng vàng bạc đá quý H ở số 202 Nguyễn Lương B, phường Q, quận Đ thành phố H bán cho chị Lưu Thị Vân A, sinh năm 1982 là chủ cửa hàng được 4.820.000 đồng. T nhận 320.000 đồng bằng tiền mặt, còn 4.500.000 đồng Th nhờ chị Vân A chuyển vào tài khoản 88817102005 của anh Nguyễn Việt H. Sau đó, anh H đã đưa lại cho Th số tiền này bằng tiền mặt. Số tiền còn lại có được từ việc bán tài sản trộm cắp được nhà bà O, Th đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 20/7/2024, Th tiếp tục cùng với chị L về nhà chị L ở thôn P, xã H ngữ. Nhân lúc chị L không để ý, Th vào phòng của vợ chồng bà O lấy chìa khóa mở két sắt, để các hộp đồ trang sức trên sàn nhà tạo hiện trường giả giống như có người đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản rồi mở hé cửa phòng để cho chị L để ý. Khoảng 03 giờ ngày 21/7/2024, chị L thấy phòng bà O ở cửa nên đã cùng với Thđến kiểm tra và thông báo cho bà O biết. Ngày 21/7/2024, bà O về nhà ở thôn Phú P kiểm tra phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã trình báo sự việc đến Công an huyện Y để giải quyết.

Đối với số vàng T trộm cắp của bà Nguyễn Thị Kim O: Sau khi mua vàng của T, cửa hàng vàng bạc Hưng Tín và cửa hàng vàng bạc Lan Vỹ đã tiến hành nung chảy toàn bộ số vàng trên nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 24/7/2024, chị Lưu Thị Vân A tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc USB có chứa 01 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của cửa hàng vàng bạc Hưng Tín ghi nhận nội dung liên quan đến sự việc.

Ngày 25/7/2024, chị Trần Thị Nh, sinh năm 1998 ở thôn Phú Ph đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc USB có chứa 01 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình chị Nh ghi nhận nội dung liên quan đến sự việc.

Ngày 26/7/2024, Lê Đức T tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, BKS 88F 1-659.71, 01 ba lô nhỏ bằng vải màu hồng, 01 bản phô tô phiếu mua hàng ngày 28/3/2022 của cửa hàng Thế Giới

Kim Cương BigC Thăng Long Hà Nội, 01 áo phông cộc tay màu đen, 01 quần cộc màu đen và 01 áo khoác gió có khóa kéo ở giữa.

Ngày 06/9/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Y có văn bản số 34, kết luận: 01 nhẫn nữ làm bằng chất liệu vàng trắng loại 18K có gắn đá màu trắng được mua năm 2015 có tổng trọng lượng 0,892 chỉ vàng giá 6.833.000 đồng, 01 nhẫn nữ bằng chất liệu vàng tây gắn đá màu trắng được mua năm 2017 có tổng trọng lượng là 1,580 chỉ giá 8.700.000 đồng; 01 nhẫn nữ bằng vàng tây, trên mặt có viên đá ruby màu đỏ được mua năm 2014 có tổng trọng lượng là 1,270 chỉ giá 7.366.000 đồng, 01 lắc tay bằng vàng tây, trên mặt có viên đá ruby màu đỏ được mua năm 2014 có tổng trọng lượng là 3,840 chỉ giá 22.272.000 đồng. Tổng giá trị là: 45.171.000 đồng.

Ngày 08/8/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra quyết định số 1181 và 1182 trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vigiam định kỹ thuật số điện tử đối với các tệp video có liên quan đến vụ án. Tại Bản kết luận giám định số 2675 ngày 17/9/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: Trích xuất được 02 ảnh người xuất hiện trong một tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định, chi tiết được thể hiện trong phụ lục giám định (Ảnh 1: Xuất hiện một người mặc áo tối màu điều khiển phương tiện (kiểu dáng giống xe mô tô hai bánh) đi qua tầm quan sát của camera. Ảnh 2: Xuất hiện hai phương tiện (kiểu dáng giống xe máy điện hai bánh), trên mỗi xe có hai người; đi qua tầm quan sát của camera). Sao lưu được một tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định vào đĩa DVD. Tại Bản kết luận giám định số 2676 ngày 17/9/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: Không tiến hành chụp ảnh, mô tả diễn biến đối với tệp video tên 5706067719258.mp4, kích thước 3.99MB gửi giám định do tệp video này được quay lại màn hình phát video của một thiết bị khác. Sao lưu được tệp video gửi giám định vào đĩa DVD.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê các giao dịch của các tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn Việt H và anh Kiều Nhật T có liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của Lê Đức T thấy các giao dịch chuyển, nhận tiền phù hợp với lời khai của Lê Đức T, chị Lưu Thị Vân A chị Kiều Thị Kim D, anh Nguyễn Việt H và anh Kiều Nhật T đã trình bày.

Đối với 02 chiếc USB là tài sản hợp pháp của chị Lưu Thị Vân A và chị Trần Thị N nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Vân A và chị Nh.

Đối với 01 ba lô nhỏ bằng vải màu hồng là tài sản hợp pháp của chị Đặng Thị Vân L, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L.

Đối với 01 áo phông cộc tay màu đen, 01 quần cộc màu đen và 01 áo khoác gió có khóa kéo ở giữa của bị cáo, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 bản phô tô phiếu mua hàng ngày 28/3/2022 của cửa hàng Thẻ Giới Kim Cương BigC Thăng Long Hà Nội là vật chứng của vụ án, bà Nguyễn

Thị Kim O không có nhu cầu lấy lại, cơ quan điều tra chuyển thành tài liệu điều tra và lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 30.000.000 đồng, bà O đã nhận đủ tiền, không yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Thiện.

Về vật chứng của vụ án: Gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, BKS 88F1-659.71.

Tại cáo trạng số: 93/CT-VKSYL ngày 21 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Lê Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y luận tội đối với bị cáo Lê Đức T và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức Th từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng, miễn hình phạt bổ sung, và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác đã được thu thập đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 15/7/2024, lợi dụng sơ hở, Lê Đức T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của bà Nguyễn Thị Kim O ở thôn Phú trộm cắp 01 chiếc nhẫn bằng vàng trắng loại 18K gắn đá màu trắng, 01 chiếc nhẫn bằng

vàng tây gắn đá màu trắng, 01 chiếc nhẫn nữ bằng vàng tây, trên mặt có viên đá ruby màu đỏ và 01 lắc tay bằng vàng tây, trên mặt có viên đá ruby màu đỏ theo kết luận định giá có tổng giá trị là 45.171.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó bản cáo trạng số 93/CT-VKSYL ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V đã truy tố bị cáo Lê Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do vậy phải xử lý nghiêm trước pháp luật để cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét tính chất mức độ của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo Thiện có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần phạt bị cáo mức án tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ để dẫn đe cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại. bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác. Do vậy xác nhận bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại.

Vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, BKS 88F1-659.71 là tài sản hợp pháp của T, dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với chị Bùi Thị L và chị Lưu Thị Vân A là những người đã mua trang sức bằng vàng do Lê Đức T trộm cắp được. Khi mua trang sức, chị L và chị Vân A không biết đây là tài sản do Th trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị L và chị Vân A là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Việt H là người mà T chuyển tiền nhờ vào tài khoản và nhờ anh H chuyển tiền cho người khác; anh Kiều Nhật T là người có tài khoản nhận tiền chuyển khoản của Th; chị Kiều Thị Kim D và chị Nguyễn Thị Kim T là người nhận tiền trả nợ của T. Khi nhận tiền của Th, cả anh H, anh T, chị Th, chị D đều không biết đây là tiền do T bán tài sản trộm cắp của bà Nguyễn Thị Kim O. Việc T vay tiền của chị D và chị T sau đó trả lại là thỏa thuận hợp pháp, trong quá trình điều tra T đã bồi thường đủ cho bà O. Vì vậy, cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh H, anh T, chị T, chị D, cũng không thu lại số tiền T trả cho chị T và chị D là phù hợp pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức T cho Ủy ban nhân dân xã Y giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về Vật chứng: Tịch thu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, BKS 88F1-659.71 để phát mại sung quỹ Nhà nước, (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/12/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y).

Về án phí: Bị cáo Lê Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh V;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yc; Cơ quan THA hình sự Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận